TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 384/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 07-11-2025
V/v: "*Tranh chấp yêu cầu ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vũ;
2. Bà Vũ Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 tham gia phiên tòa: Bà Thị Kim Lài - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 11 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 241/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2025 về việc "*Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 284/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/10/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thị H - sinh năm 1998 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay ấp A, xã G, tỉnh An Giang).

2. Bị đơn: Anh Danh T - sinh năm 1993 (có đơn xin vắng mặt).

Đia chỉ: Ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay ấp P, xã G, tỉnh An Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 16/6/2025 của nguyên đơn chị Thị H trình bày: Tôi và anh Danh T có tìm hiểu nhau trước được 2 - 3 tháng nên đến năm 2013 chúng tôi được cha mẹ có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 19/7/2019.

Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc được 9 năm thì vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng tôi thường xuyên ăn nhậu về kiếm chuyện đánh đập tôi còn có người phụ khác bên ngoài và có con nên vợ

chồng thường xuyên cãi vả và chúng tôi đã ly thân hơn 01 năm nay. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chồng tôi là Danh T.

Về con chung: Tôi xác định có 01 người con chung tên Danh Thị Như Y - sinh ngày 16/8/2014, hiện nay con đang sống với tôi nên tôi yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và tôi không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi xác định vợ chồng không có tạo lập được tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tôi xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Tôi xin được ly hôn với chồng tôi là Danh T.

Về con chung: Tôi xác định có 01 người con chung tên Danh Thị Như Y - sinh ngày 16/8/2014, hiện nay con đang sống với tôi nên tôi yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và tôi không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi xác định vợ chồng không có tạo lập được tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tôi xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/9/2025 thì anh Danh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Danh T xác định anh và chị H kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Nay, chị H yêu cầu ly hôn anh T đồng ý.

Về con chung: Anh Danh T xác định anh và chị H có 01 người con chung tên Danh Thị Như Y - sinh ngày 16/8/2014, khi ly hôn thì anh T đồng ý giao con chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên anh cũng không cấp dưỡng nuôi con.

Đồng thời, khi anh T chấp hành án xong anh sẽ có yêu cầu thay đổi quyền nuôi con (nếu có). Anh T yêu cầu chị H không cản trở gia đình nội thăm nom con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định không có tài sản chung và không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh An Giang có ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật .

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Thị H và anh Danh T. Về con chung: Giao cháu Danh Thị Như Y - sinh ngày 16/8/2014 cho chị Thị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đồng thời, cháu Y cũng có nguyện vọng muốn sống với chị H. Về cấp dưỡng nuôi con: Miễn xét. Về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa chị Thị H và anh Danh T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Thị H là nguyên đơn và anh Danh T là bị đơn không có mặt tại phiên tòa nhưng chị H và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Thị H và anh Danh T là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị Thị H và anh Danh T kết hôn với nhau vào năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang (cũ) vào ngày 19/7/2019 cho nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Dù hôn nhân của chị Thị H và anh Danh T là hôn nhân tự nguyện và trước khi kết hôn anh chị có tìm hiểu nhau trước nhưng chưa tìm hiểu kỹ cá tình của nhau. Vì vậy, khi xác lập cuộc sống chung vợ chồng thì lại bộc lộc ra những cá tính không phù hợp. Chị Thị H cho rằng anh T thường xuyên ăn nhậu về kiếm chuyện đánh đập chị còn có người phụ khác bên ngoài và có con nên anh chị thường xuyên cãi vả và anh chị đã ly thân hơn 01 năm nay. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án chị Thị H và anh Danh T thống nhất thuận tình ly hôn. Do đó, HĐXX căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Thị H và anh Danh T.

[4] Về con chung: Chị Thị H và anh Danh T xác định anh chị có 01 người con chung tên Danh Thị Như Y - sinh ngày 16/8/2014, hiện nay cháu Y đang sống với chị H nên anh chị thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn cháu Y cho chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và cháu Y cũng có nguyện vọng muốn sống với chị H. Anh Danh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về con chung của chị H và anh T.

Anh Danh T có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này. Khi cần thiết, anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Chị Thị H và anh Danh T xác định anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Thị H và anh Danh T xác định anh chị không thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng chị Thị H phải nộp do chị có yêu cầu xin ly hôn nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước đây là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0015010 ngày 16/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh A). Như vậy, chị Thị H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của chị Thị H và anh Danh T.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Thị H và anh Danh T là giao cháu Danh Thị Như Danh T - sinh ngày 16/8/2014 cho chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đồng thời, cháu Danh T cũng có nguyện vọng muốn sống với chị H.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Miễn xét.

Anh Danh T có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này. Khi cần thiết, anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng chị Thị H phải nộp do chị có yêu cầu xin ly hôn nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước đây là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0015010 ngày 16/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh

Kiên Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh A). Như vậy, chị Thị H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 07/11/2025.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 5;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoài Thanh